

THERAVĀDA
PA AUK TAWYA

XUẤT GIA BA LA MẬT

Nekkhamma pāramī



*Trích trong chuỗi pháp thoại
của Ngài thiền sư
SAYADAW U JANAKĀBHIVAMSA*

TỈ KHUU PHÁP THẮNG PHIÊN DỊCH & HIỆU ĐÍNH
DIỆU NHẮN CHUYÊN DỊCH VÀ TRÌNH BÀY

PHẦN I - XUẤT GIA BA-LA-MẬT

Hôm nay Ngài Sayadaw sẽ dạy cho chúng ta về sự xuất gia Ba-la-mật – Nekkhamma pāramī.

Nekkhamma có nghĩa là: người từ bỏ, thoát khỏi, thoát ly, sự xuất gia; đây là Ba-la-mật thứ ba khi Đức Bồ Tát quán tưởng cách để chúng được Phật quả. Đầu tiên thì Ngài thấy bố thí Ba-la-mật xuất hiện trong tâm, thứ hai là Ngài thấy giới Ba-la-mật và thứ ba thì Ngài đã thấy xuất gia Ba-la-mật – Nekkhamma pāramī.

Có hai loại Nekkhamma pāramī - Sự xuất gia, xả ly, thoát khỏi, giải thoát:

1. Sự thoát khỏi Saṃsāra - Vòng sanh tử luân hồi.

2. Sự thoát khỏi những dục trần kama, đây là kết quả của sự giải thoát.

Tức là khi muốn thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi thì đầu tiên chúng ta phải thoát khỏi những dục trần kama. Khi thực hành thoát khỏi những dục trần thì kết quả là chúng ta sẽ thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Sự thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi chính là kết quả của sự thoát khỏi các dục trần. Hay nói một cách khác đó chính là sự thoát khỏi ba đời sống, sự hiện hữu trong ba cõi, đây chính là quả.

Ba cõi ở đây chính là: kiếp người, kiếp chư thiên, kiếp phạm thiên. Hay nói theo một cách khác nữa đó là những cõi:

BA CỖI

1. KAMA-VACARA: CỖI
DỤC GIỚI

2. RŪPA-VACARA: CỖI
SẮC GIỚI

3. ARŪPA-VACARA: CỖI
VÔ SẮC

1. Kama-vacara – Cõi Dục Giới: Là cõi ác (đọa xứ), cõi người, cõi chư thiên.

2. Rūpa-vacara – Cõi Sắc Giới: Là cõi phạm thiên sắc giới có sắc và danh.

3. Arūpa-vacara – Cõi vô sắc: Là cõi phạm thiên không có sắc mà chỉ có danh.

→ Đây chính là sự phân tích theo ngữ pháp của ba kiếp sống, sự hiện hữu trong ba cõi.

Nếu còn đời sống thì tối thiểu chúng ta sẽ phải già, phải bệnh và sẽ phải chết. Cứ như vậy thì chúng ta sẽ không thể nào giải thoát được, bởi vì như thế nên sự giải thoát sẽ có hai loại: giải thoát khỏi các dục trần và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi Saṃsāra. Đây chính là tâm thiện (*kusala citta*) và tâm sở thiện (*kusala cetasika*).

Trong giáo Pháp của Đức Phật nếu nói theo chi pháp ở trong tạng kinh – Sutta, bằng ngôn ngữ bình thường theo cách dễ hiểu nhất như chúng ta đang sử dụng bây giờ thì có Ngài Sayadaw đang thuyết pháp, có

Bhante phiên dịch và những người còn lại đang lắng nghe.

THẾ NÀO GỌI LÀ NÓI PHÁP VÀ THẾ NÀO GỌI LÀ NGHE PHÁP?

Bằng cách nói đơn giản và dễ hiểu nhất theo chi pháp trong tạng kinh, khi chúng ta nghe pháp thì tâm thiện (*kusala citta*) và tâm sở thiện (*kusala cetasika citta*) sẽ sanh khởi. Chúng ta có thể thoát khỏi các dục lạc, dục trần, hay vòng sanh tử luân hồi *samsāra* bằng cách chúng được đạo quả niết bàn. Đây là sự giải thoát và chúng ta có thể sẽ thấy được niết bàn – *Nibbāna* trong đời này, khi đó thì đối tượng của chúng ta không còn ở trong thế gian nữa mà đã vượt ra khỏi thế gian. Đó là cách nói theo chi pháp về tâm và tâm sở thiện (*kusala citta cetasika*).

CÓ HAI LOẠI DỤC: KAMA (DỤC) VÀ PHIỀN NÃO

Nghĩa của từ Kama hay phiền não có nghĩa là những mong muốn, ước muốn có được một thứ gì đó, muốn đạt được một cái gì đó. Để có thể thoát được hai loại kama (dục) tức là không còn những mong muốn tham ái ở trong tâm, không còn thích thú vào những dục lạc thì chúng ta phải làm như thế nào?

CÁCH THOÁT KHỎI NHỮNG THAM ÁI VÀ PHIỀN NÃO?

Theo *Mahaniddesa* - Tiểu bộ kinh thì đó chính là: *vathu kama* - vật dục và *kilesa kama* - phiền não dục; đây là những suy nghĩ và tư duy sai. Do bởi sự suy nghĩ và tư duy sai như vậy nên những kama này mới sanh khởi.

BA LOẠI TƯ DUY SAI

- 1. Kama Vitakka - Dục tâm: Suy nghĩ về dục, cảnh dục.
- 2. Vyāpāda vitakka - Sân ý, sân tâm: Sân tâm khởi sinh với mong muốn giết hại.
- 3. Vihiṃsā vitakka - Hại tâm: Không muốn sát sinh nhưng có tư duy muốn làm hại chúng sanh khác ở trong tâm, đây cũng là ý nghĩ sai, tư suy sai.



Có ba loại tư duy sai:

1. **Kama Vitakka - Dục tâm:** Suy nghĩ về dục, cảnh dục.

Có rất nhiều người do bởi suy nghĩ rất nhiều về những dục lạc, những cảnh dục như: muốn nghe, muốn thấy, muốn ngửi, muốn nếm, muốn xúc chạm, muốn suy nghĩ (tư duy) về một cái gì đó, v.v, vì vậy nên đây chính là những sự dính mắc ở trong tâm bằng cách lấy một cảnh hoặc đối tượng. Ví dụ họ có thể sẽ lấy cảnh sắc (thấy), cảnh thính (âm thanh), cảnh xúc, cảnh vị, cảnh khí. Như vậy thì tâm chúng ta cứ hết lần này đến lần khác suy nghĩ và thích thú trong những cảnh ấy, đó gọi là ***Kama Vitakka - dục tâm***.

2. Vyāpāda vitakka - Sân ý, sân tâm: Sân tâm khởi sinh với mong muốn giết hại.

Đây cũng là một ý nghĩ sai; ví dụ như quân đội, tức là quân đội nào cũng muốn giết quân đội kia. Hoặc là những võ sĩ boxing (đấm bốc) lúc nào cũng muốn chiến thắng, muốn hạ gục đối phương do bởi những tư tưởng và tư duy đó.

Có những người khác họ lại không thích việc đánh nhau giữa người với người nhưng họ lại thích xem những con gà chọi nhau, những con trâu hay con bò đánh và húc lẫn nhau. Nếu chúng ta có những tâm thích thú khi xem những cảnh vật lộn đánh nhau như vậy thì đó chính là những tư duy sai lầm.

3. Vihimsā vitakka - Hại tâm: Không muốn sát sinh nhưng có tư duy muốn làm hại chúng sanh khác ở trong tâm, đây cũng là ý nghĩ sai, tư suy sai.

Có nhiều người họ có những suy nghĩ về một trong ba tư duy ở trên. Có thể họ suy nghĩ để thích thú thì khi ấy tâm tham khởi sinh, hoặc suy nghĩ để sát hại thì tâm sân khởi sinh. Đây là những suy nghĩ, những tư duy sai mà chúng ta cần phải thay đổi để loại bỏ, không nên chấp nhận để chúng xuất hiện ở trong tâm nữa. Thay vì suy nghĩ về những ý nghĩ dục thì chúng ta phải nghĩ đến sự xả ly, sự xuất gia, cạo đầu, đi vào trong rừng và ở một mình. Chúng ta nên nghĩ có những suy nghĩ này, những tâm này, bởi vì đó là những điều tốt.

Một số Ngài Sayadaw khi thấy rừng thì các Ngài lại thích ở trong rừng. Ban đầu sẽ

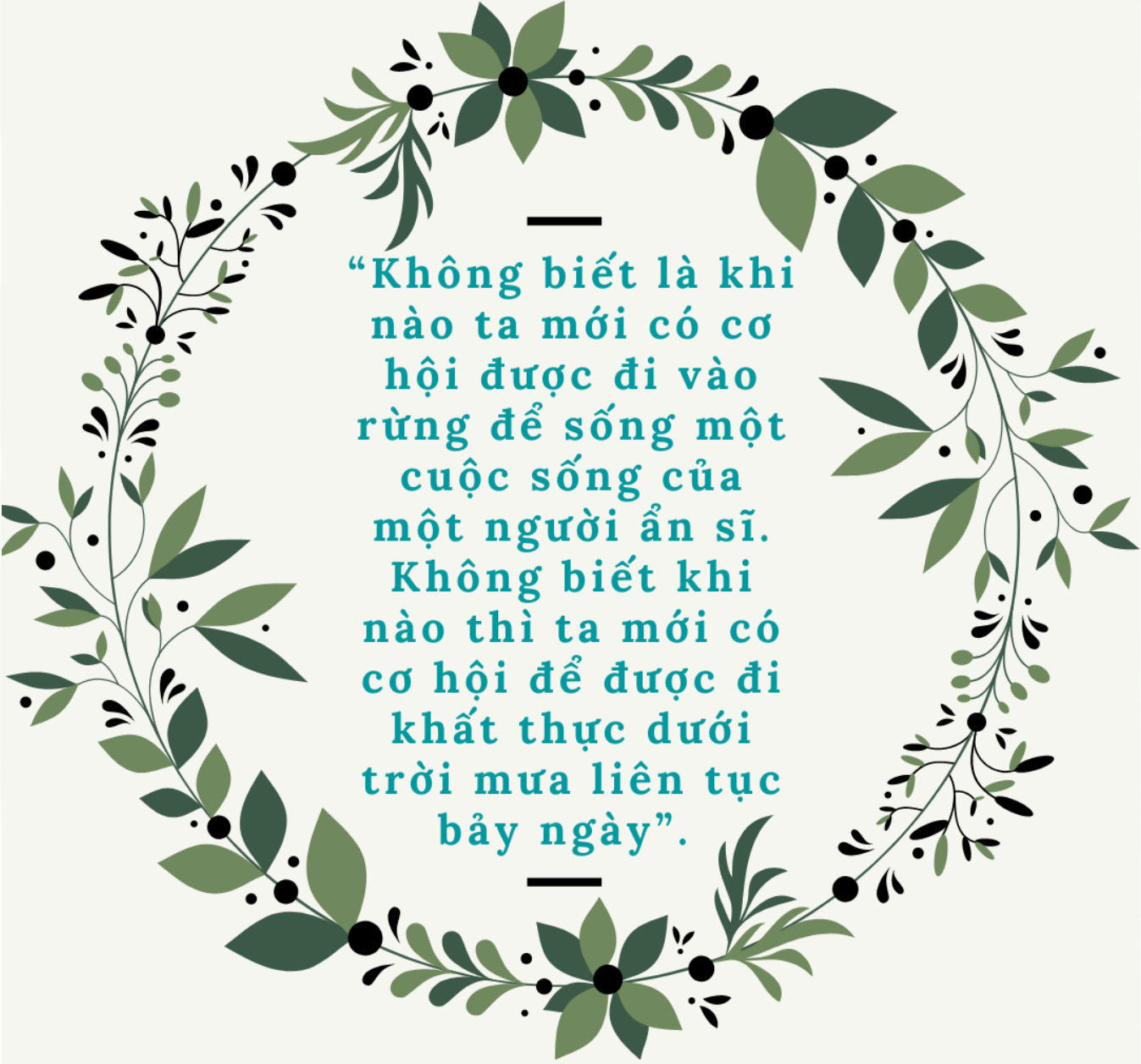
không có một ai thích ở trong rừng cả, nhưng chúng ta nên hướng tới việc sống trong rừng và thực hành Pháp một cách hoan hỷ.

Trong **Kinh Bồn Sanh** - Chuyện tiền thân của Đức Phật, có một kiếp Đức Bồ Tát là một nhà Vua có tên là Maha Janaka. Khi ấy Ngài ngồi từ hoàng cung và nhìn ra cửa sổ rất xa và suy nghĩ:

“Không biết là khi nào ta mới có cơ hội được đi vào rừng để sống một cuộc sống của một người ẩn sĩ. Không biết khi nào thì ta mới có cơ hội để được đi khát thực dưới trời mưa liên tục bảy ngày”.

Bồ Tát khi ấy đã có suy nghĩ về sự xuất gia như vậy, còn chúng ta có phải sẽ rất sợ đời sống như thế phải không? Khi chúng ta đọc

những câu chuyện tương tự như vậy thì chúng ta sẽ thấy đời sống ở trong rừng thật hoan hỷ và lợi ích. Để thoát khỏi những dục lạc, dục trần thì chúng ta cần phải học theo những suy nghĩ đó.



—
“Không biết là khi
nào ta mới có cơ
hội được đi vào
rừng để sống một
cuộc sống của
một người ẩn sĩ.
Không biết khi
nào thì ta mới có
cơ hội để được đi
khất thực dưới
trời mưa liên tục
bảy ngày”.
—

DÍNH MẮC VÀO NHỮNG ÁI DỤC LÀ ĐIỀU RẤT THẤP HÈN

Có rất nhiều người dính mắc vào những ái dục thì đó là những điều rất thấp hèn. Trong bài kinh *Dhammacakkappavattana sutta - Kinh Chuyển Pháp Luân* Đức Phật có nói:

“Đó là những điều rất thấp kém, rất thấp hèn: gamo - sự thực hành của những người dân làng thấp hèn, không phải là sự thực hành của những vị Tỳ-khuru (người đi xuất gia). Sự dính mắc vào ái dục là những thói quen tầm thường, những tài sản tầm thường. Đối với những bậc thánh thì họ không còn những thích thú ngay cả với việc thọ dụng vật thực, bởi vì các Ngài còn có thân nên phải ăn uống chứ các Ngài không hề thích thú trong việc ăn uống. Chúng ta cần phải học và noi gương theo những suy nghĩ như vậy!

LOẠI BỎ NHỮNG Ý DỤC VÀ SUY NGHĨ VỀ SỰ SÁT SINH

Thêm nữa chúng ta cần phải loại bỏ những ý dục và suy nghĩ về sự sát sinh. Trong lịch sử con người đã có rất nhiều cuộc chiến tranh xảy ra giữa quốc gia này với quốc gia khác, người dân của thành phố này với người dân của thành phố khác, làng này giao tranh với làng khác, nhà này đánh nhau với nhà khác, thậm chí cũng có những người ở trong cùng một nhà nhưng lại có những suy nghĩ muốn giết và làm hại lẫn nhau. Những tư tưởng muốn giết hại này không chỉ ở trong thế giới con người mà cũng có ở trong thế giới của những loài súc sanh, động vật. Do vậy chúng ta không nên có những ý nghĩ, những tư tưởng sai lầm như vậy mà phải thay thế vào đó là tâm từ, lòng bi mẫn. Hại tâm là những suy nghĩ muốn giết hại, đó là suy nghĩ của những kẻ ngu chứ không phải

những suy nghĩ của người trí. Dục tâm, sân tâm, hại tâm, cả ba điều này đều là những điều không đúng đắn nên chúng ta cần phải thay đổi để có những suy nghĩ đúng đắn hơn.

BA LOẠI TƯ DUY ĐÚNG ĐẮN

1. Nekkamma - Ly dục tâm: thoát khỏi những dục lạc chính là điều tốt nhất cho tâm.

2. Avyāpāda vitakka - Tâm từ ái: Lòng bi mẫn muốn giúp đỡ người khác, đây là tâm tốt.

3. Avihimsā vitakka - Vô hại tâm: Là những suy nghĩ chân chính đúng đắn về sự xả ly, rời xa các dục.



Ba loại tư duy đúng đắn:

1. *Nekkhamma* - Ly dục tâm: Thoát khỏi những dục lạc chính là điều tốt nhất cho tâm.

Ngài Trưởng lão Janakābhivamsa Sayadaw (trùng tên với Ngài) có kể một câu chuyện về một người Phật tử muốn đến cúng dường cốc, liêu cho Ngài. Khi ấy Ngài đã nói với vị thí chủ là chỉ muốn một trú xứ đơn giản và cái cốc ấy chỉ cần có mái che là đủ. Tại vì sao vậy? Bởi vì Ngài nói nếu kuti (cốc, liêu) ấy đẹp quá, chất lượng tốt quá thì sẽ bị dính mắc vào nó. Nhưng người Phật tử đã nói rằng:

“Chúng con sẽ rất cảm thấy rất xấu hổ nếu cúng dường cho Ngài Sayadaw - Vị trưởng lão đáng kính một trú xứ đơn giản như vậy. Xin Ngài hãy cho phép

chúng con xây một cái cốc bằng gạch hoặc bê tông tốt hơn để cúng dường cho Ngài”.

Theo cách này thì đó chính là ý nghĩ của sự xả ly, sự ly dục.

Khi hành thiền sẽ có một số người rất dễ nổi sân, do vậy đối với những đối tượng như thế này thì họ sẽ cần nhìn những thứ tốt đẹp, nghe những âm thanh dễ nghe, bởi vì nếu những thứ gì không tốt hoặc không vừa ý thì họ rất dễ nổi tâm sân. Đối với những hành giả có nhiều sự dính mắc thì họ sẽ thích hợp đối với những thứ nhìn không khả ý hay khả ái, bởi vì như vậy sẽ giúp quân bình tâm cho những đối tượng có tâm tham. Tùy theo tính cách, tính tình của mỗi người sẽ có những phương pháp hành khác nhau. Có một số người có những tính cách rất bay bổng và họ cảm thấy rất vui với việc ngắm hoa, thậm

chỉ một cơn gió thổi qua làm chiếc lá rụng rơi cũng làm cho họ vô cùng thích thú.

2. *Avyāpāda vitakka* - Tâm từ ái: Lòng bi mẫn muốn giúp đỡ người khác, đây là tâm tốt.

3. *Avihimsā vitakka* - Vô hại tâm: Là những suy nghĩ chân chính đúng đắn về sự xả ly, rời xa các dục.

Đối với những bậc thánh thì họ luôn có những suy nghĩ, suy tầm đúng đắn như vậy. Những người tốt thì sẽ dễ dàng làm những điều tốt và khó làm những điều xấu (những điều bất thiện), đây là những phẩm chất của người tốt. Ngược lại đối với những người bình thường thì lại muốn có những dục tâm, sân tâm (muốn giết hại người khác, những chúng sinh khác). Họ là những người xấu, không có sự xả ly, không có từ ái, không có

lòng bi mẫn nên rất khó làm những điều thiện. Họ chỉ có sự dính mắc vào những thứ sai mà thôi.

NGUỒN GỐC CỦA NHỮNG PHIỀN NÃO VÀ THAM ÁI?

Đó chính là ba suy nghĩ tà kiến, ba suy nghĩ theo cách sai và chúng ta không nên suy nghĩ theo cách này mà phải suy nghĩ theo ba cách ngược lại. Nếu chúng ta thoát khỏi tham, thoát khỏi sự dính mắc thì sẽ thoát khỏi những dục trần. Đó là theo sự giải thích của *mahāniddesapāḷi* - Đại điển giải.

Theo chú giải của hành tạng *Cariyāpiṭaka*: có một số nơi nói sự xuất gia, đời sống của vị Tỳ-khưu là nguyên nhân của sự thoát ly, sự xả ly. Nhưng có một số nơi lại nói sự xả ly là nguyên nhân của đời sống sa môn. Trên

thực tế thì xuất gia và xả ly có mối quan hệ tương quan hỗ trợ lẫn nhau.

NHỮNG CÂU CHUYỆN TIỀN THÂN JĀTAKA CỦA ĐỨC BỒ TÁT

I. CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT:

Lúc bấy giờ Đức Bồ Tát có tên là Mahā Janaka. Ngài là một vị Vua đã xuất gia trước nhưng khi Hoàng Hậu biết thì bà đã không phép nhà Vua đi. Bà đã đi theo Ngài bất kể mọi nơi, mọi lúc và đã cho đốt hết tất cả các làng mạc với suy nghĩ rằng: Nếu ta làm như vậy thì nhà Vua sẽ không đi xuất gia nữa. Nhưng Ngài khi ấy vẫn quyết định đi xuất gia. Bà vẫn cứ tiếp tục đi theo sau Ngài như vậy cho đến một hôm thì bà bị ngất xỉu xuống đất, khi đó thì Ngài nghĩ rằng:

“Đây là thời điểm thích hợp để ta chạy nhanh vào trong rừng”.

Kể từ đó trở về sau thì Hoàng Hậu không còn thấy Ngài ở trong thành phố nữa. Đó là lần cuối cùng Đức Bồ Tát thấy Hoàng Hậu và cũng là lần cuối cùng Hoàng Hậu nhìn thấy Đức Bồ Tát.

Câu chuyện tiền thân này đã kết thúc, thế còn câu chuyện của chúng ta thì thế nào? Chúng ta có còn gặp lại nhau nữa hay không? Ai sẽ là người sẽ ngắt xỉu vì chúng ta? Và liệu trong trường hợp tương tự như vậy chúng ta có đủ can đảm để không quay trở lại giống như Đức Vua Mahā Janaka?

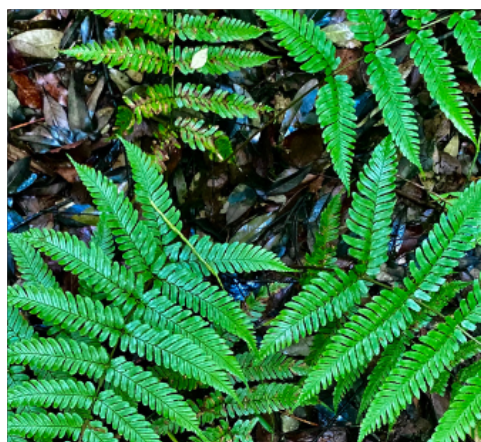
Ngài Sayadaw khuyến khích chúng ta hãy cố gắng làm cho câu chuyện này trở thành câu chuyện của chính mình. Đừng bao giờ quay trở lại bởi vì điều này sẽ tốt hơn. Có

một số người đã chọn sự xa ly sau đó mới xuất gia, nghĩa rằng xuất gia và xa ly có mối quan hệ vừa là nhân mà cũng vừa là quả của nhau.

II. CÂU CHUYỆN THỨ HAI:

Có một kiếp khi Đức Bồ Tát là con trai của một vị Vua. Tuy tuổi còn rất nhỏ nhưng Ngài đã thấy được mình trong một kiếp quá khứ được làm Vua, sau kiếp quá khứ đó thì Ngài bị tái sinh ở cõi địa ngục và chịu rất nhiều khổ đau. Lúc bấy giờ, mặc dù với danh phận là Thái Tử nhưng Ngài lại không muốn sau này trở thành Vua nên đã giả vờ mình là một người người câm, người điếc, không biết nói cũng không thể nghe. Tuy nhiên vị quan đại thần trong triều khi nhìn thấy Thái Tử với hình tướng như vậy thì biết chắc rằng Ngài không thể nào là một người điếc, không thể nào là một người câm được

nên đã thử rất nhiều cách khác nhau để làm cho Thái Tử nói. Họ đã thử rất nhiều cách độc ác như dùng lửa đốt, cho con voi dữ vào để Thái Tử sợ hãi, bỏ đói Thái Tử bằng cách để vật thực trước mặt và bắt Ngài nói thì mới được ăn nhưng Thái Tử vẫn kiên định đến cùng. Ngài biết rằng nếu bây giờ mình nói ra và với địa vị là Thái Tử thì sau này nhất định sẽ trở thành nhà Vua nên Ngài chấp nhận những cơn đau thể xác chứ nhất quyết không chịu nói. Sau khi Ngài đủ lớn, vì muốn giết Thái Tử nên Đức Vua và Hoàng Hậu đã đưa Ngài vào trong rừng. Kể từ đó thì Ngài đã đi xuất gia. Đức Bồ Tát đã trải qua rất nhiều khó khăn như vậy nhưng Ngài lúc nào cũng muốn hướng tới sự xả ly, sự xuất gia. Chúng ta cũng nên cố gắng học theo Ngài.



NĂM HẠNG NGƯỜI SỐNG Ở RỪNG



SỐNG Ở RỪNG DO SỰ NGU DỐT, KHÔNG BIẾT ĐIỀU LỢI ÍCH VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA CHÚNG



SỐNG Ở RỪNG VỚI HAM MUỐN BẤT CHÁNH



SỐNG Ở RỪNG BỞI VÌ ĐIÊN LOẠN



SỐNG Ở RỪNG VÌ PHÁP HÀNH ĐƯỢC ĐỨC PHẬT VÀ CÁC BẬC TRÍ TÁN THÁN KHEN NGỢI



SỐNG Ở RỪNG VÌ TÍNH TRI TÚC, THIẾU DỤC VÀ NHỮNG ĐỨC TÍNH TỐT KHÁC

NĂM HẠNG NGƯỜI SỐNG Ở RỪNG

1. SỐNG Ở RỪNG DO SỰ NGU DỐT, KHÔNG BIẾT ĐIỀU LỢI ÍCH VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA CHÚNG

Hạng người này thích sống trong rừng và cho rằng, nếu sống ở rừng thì không cần phải học bất kỳ điều gì, không cần phải học toán hay học chữ. Họ là những người có thể sống trong rừng dễ dàng nhưng lại không biết làm gì cả, không có kiến thức, không có trí tuệ, không muốn học hành gì hết nên họ đã sống theo cách sống của một người rừng. Đó là một cách sống ngu dốt, không hiểu biết về sự lợi ích và nguyên nhân của việc sống trong rừng. Hạng người này sống ở rừng chỉ vì nghĩ rằng muốn có một cuộc sống đơn giản, mặc dù có một số chính phủ cho họ một cuộc sống đầy đủ ở thành phố nhưng họ vẫn muốn vào rừng trở lại.

Ngoài ra cũng có một số người tuy rất khó khăn, họ phải làm việc vất vả hai hay ba chục năm, phải tiết kiệm đến mức ăn những vật thực không thật sự ngon với mục tiêu để dành đủ tiền mua một căn nhà nho nhỏ ở thành phố để sống. Sau đó thì họ nghĩ đến việc muốn về quê, về rừng, mua một miếng đất rộng rãi, xây bốn năm căn nhà, có ruộng đồng vườn tược, có gia đình xung quanh. Thậm chí lúc ấy họ còn phải suy nghĩ bây giờ ta phải ngủ ở đâu, bởi vì có quá nhiều nhà. Họ cứ sống như vậy nhưng không hiểu được sự lợi ích của việc sống nơi thanh vắng, sống một cuộc đời xả ly.

2. SỐNG Ở RỪNG VỚI HAM MUỐN BẤT CHÁNH

Hạng người này sống trong rừng vì những suy nghĩ:

“Nếu ta vào sống ở trong rừng thì mọi người sẽ hộ độ rộng rãi đến ta như một vị ẩn sĩ”.

Bằng cách suy nghĩ như vậy nên vị ấy đã lựa chọn sống trong rừng. Sau khi ở trong rừng một thời gian thì khi vị đó chuyển đến sống ở thành phố sẽ được người khác cúng dường nhiều hơn. Đây là điều không tốt, do bởi những ham muốn bất chánh, ý nghĩ bất thiện nên chắc chắn hạng người này sẽ không thể chứng đắc bất cứ điều gì đặc biệt.

3. SỐNG Ở RỪNG BỞI VÌ ĐIÊN LOẠN

Bởi vì bị điên nên họ không muốn và không cảm thấy thoải mái khi gặp người khác nên họ muốn sống ở trong rừng.

4. SỐNG Ở RỪNG VÌ PHÁP HÀNH ĐƯỢC ĐỨC PHẬT VÀ CÁC BẬC TRÍ TÁN THÁN KHEN NGỢI

Sống ở rừng bằng cách suy nghĩ rằng đây là pháp hành được tán thán bởi bậc thánh như Đức Phật và đệ tử của Đức Phật, bởi vì điều này nên vị đó sống trong rừng. Đương nhiên là Đức Phật Ngài cũng sống trong rừng, Tôn Giả Mahā Kassapa cũng sống trong rừng. Có một lần Đức Phật đã nói với Tôn Giả Mahā Kassapa rằng:

“Bây giờ con đã già rồi nên hãy đến sống ở trong tu viện, gần Như Lai, gần làng mạc thành phố. Nếu con không muốn đi khất thực ở trong làng thì con có thể chấp nhận vật thực được thỉnh mời”.

Khi đó Tôn Giả Mahā Kassapa đã trả lời với Đức Phật rằng:

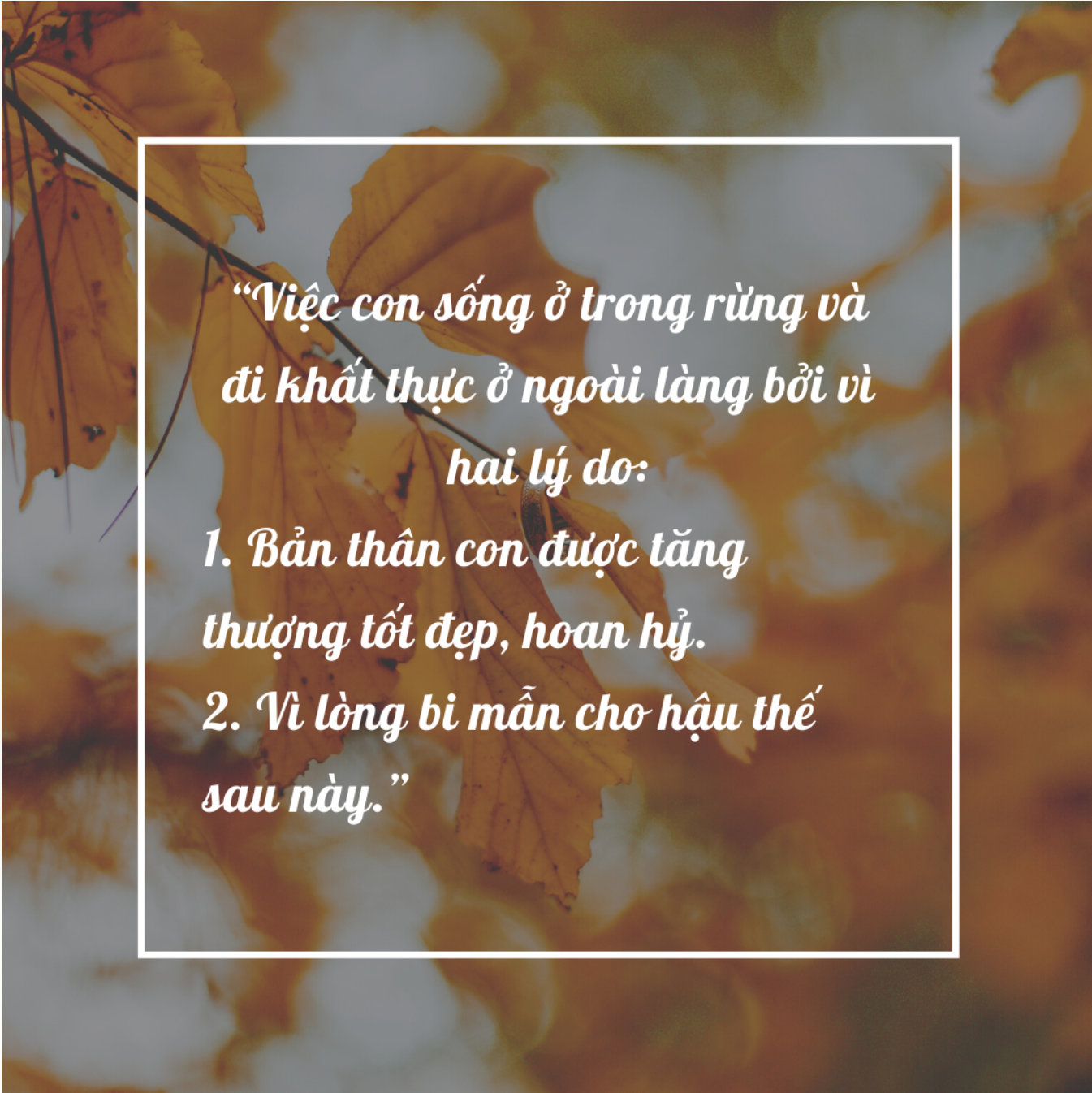
“Việc con sống ở trong rừng và đi khát thực ở ngoài làng bởi vì hai lý do:

1. Bản thân con được tăng thượng tốt đẹp, hoan hỷ.

2. Vì lòng bi mẫn cho hậu thế sau này.”

Chính vì thế nên Tôn Giả Mahā Kassapa thực hành **“*Dhutaṅga*” - Hạnh đầu đà**. Đối với một vị Tỳ-khưu nguyên thủy thì phải thực hành theo luật Vinaya, nhưng đối với “*Dhutaṅga*” - Hạnh đầu đà thì vị Tỳ-khưu có thể lựa chọn. Nếu vị Tỳ-khưu cảm thấy “*Dhutaṅga*” - Hạnh đầu đà có lợi ích thì vị ấy có thể thực hành còn nếu không thì không cần phải thực hành.

Còn đối với Tôn Giả Mahā Kassapa thì Ngài lựa chọn việc sống trong rừng bởi vì điều đó tốt cho bản thân của Ngài và hơn nữa sẽ làm tấm gương sáng cho hậu thế về sau.



“Việc con sống ở trong rừng và đi khát thực ở ngoài làng bởi vì hai lý do:

- 1. Bản thân con được tăng thượng tốt đẹp, hoan hỷ.*
- 2. Vì lòng bi mẫn cho hậu thế sau này.”*

Việc lựa chọn ở một mình sẽ rất thoải mái và tự do trong tâm, sẽ có rất nhiều thời gian để hành thiền, có nhiều thời gian để tiến triển tăng thượng trong Pháp và còn nhiều lợi ích khác nhau nữa.

Một quán tưởng hàng ngày đối với các vị Tỳ-khưu là có thực sự hoan hỷ trong đời sống ẩn cư hay không? Điều này vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta không cảm thấy hoan hỷ trong đời sống ẩn cư thì sẽ không thể nào tiến bộ trong Pháp được. Đối với người hoan hỷ trong đời sống ẩn cư thì vị ấy phải luôn tự nhắc nhở một mình, ngồi một mình, ở một mình, nằm một mình, đi một mình và hoan hỷ cũng một mình. Ngược lại đối với những người bình thường thì họ sẽ luôn muốn được ngồi cùng nhau, đứng cùng nhau và làm mọi thứ cùng nhau, v.v, phải vậy không?

Tại sao chúng ta phải lựa chọn lối sống ẩn cư như vậy? Lợi ích là gì?

Bởi vì nếu ở một mình thì chúng ta sẽ có nhiều thời gian để có *Yoniso manasikāra* - như lý tác ý (suy nghĩ đúng đắn), hay nói cách khác đó là việc hành thiền.

Do vậy việc lựa chọn sống ở trong rừng bởi vì suy nghĩ: “Đây là Pháp được Đức Phật và các bậc thánh tán thán thì việc ở rừng như thế mới thực sự là tốt đẹp, đem lại nhiều lợi ích”.

5. SỐNG Ở RỪNG VÌ TÍNH TRI TÚC, THIỂU DỤC VÀ NHỮNG ĐỨC TÍNH TỐT KHÁC

Bởi vì nếu chúng ta ở trong rừng thì đương nhiên y áo, vật thực, trú xứ cũng trở nên cực kỳ đơn giản. Chúng ta sẽ có ít ham muốn, ít

nhu cầu và biết đủ (thiểu dục). Do bởi những suy nghĩ theo cách này nên chúng ta mới lựa chọn ở trong rừng, khi ấy thì những thiện Pháp sẽ ngày càng được sanh khởi.

Để thoát khỏi những dục lạc, để có thể có được sự xuất gia xả ly thì chúng ta phải vào rừng sống độc cư. Nhưng để thoát khỏi tham, sự dính mắc (kilesa kama - Phiền não dục) thì chúng ta không cần phải nói về vấn đề trú xứ nữa mà chỉ cần nói về việc không có tham ở trong tâm.

Như vậy đối với hạng người tuy sống trong rừng nhưng lại thích thú cái này hay cái kia thì mặc dù thân đã thoát khỏi cảnh dục nhưng tâm vẫn không thể thoát khỏi những phiền não. Ngược lại nếu chúng ta ở trong thành phố nhưng thoát khỏi những mong muốn về dục trần (phiền não) thì chúng ta sẽ thoát khỏi phiền não dục, khi ấy chúng ta

không cần phải suy nghĩ về trú xứ (nơi sống).

Một số người họ nghĩ rằng, theo thành ngữ của Miến Điện: Nếu một người có tâm tốt thì cái giường ngủ cũng là nơi ngồi thiền và nơi ngồi thiền cũng là nơi để ngủ. Hay nhiều người cũng nói ở nhà cũng tu được, cần gì phải vào thiền viện mới tu. Điều này đúng nhưng để làm theo thì thực sự rất khó. Thường khi chúng ta ở trong thiền viện thì sẽ ngồi thiền nhiều hơn còn khi ở nhà thì sẽ ngủ nhiều hơn. Do vậy để thoát khỏi những dục lạc thì chúng ta cần phải vào trong rừng.

Có những câu chuyện kể về các Ngài đã đi vào trong núi ở Himalaya - Hy Mã Lạp Sơn và không quay trở lại nữa, do bởi giáo Pháp của Đức Phật bắt nguồn từ Ấn Độ nên vùng bắc Ấn có dãy núi Himalaya - Hy Mã Lạp Sơn.

Có một vị Vua tên là Nimi trong câu chuyện Nimijātaka. Vị ấy đã đi xuất gia ở trong vườn Thượng Uyển của nhà vua. Có một số vị ở trên lầu cao nhất cũng đã xuất gia xả ly tại đó và không để cho người khác tới gặp. Cũng theo cách này khi Bồ Tát Mahā Janaka đi vào trong rừng và không quay trở lại nữa thì Ngài Sayadaw nghĩ rằng bà Hoàng Hậu của Vua sẽ đi tới vườn Thượng Uyển để thực hành ở đó. Nếu chúng ta không có đủ khả năng để đi đến núi Himalaya - Hy Mã Lạp Sơn thì chúng ta có thể đi đến vườn Thượng Uyển của nhà Vua, đi vào đó và theo cách này thì chúng ta có thể xuất gia và xả ly. Bởi vì khi tâm đã muốn xả ly thì dù bất cứ nơi đâu chúng ta cũng có thể xuất gia được.

Có một số người mang tiếng là đi xuất gia để sống đời sống xả ly, nhưng thực tế thì họ

chỉ đang muốn xả cái này nhưng lại mong muốn có được thứ khác. Điều này không phải thật sự là sự xả ly thuần túy.

Tiếp theo trong cuốn sách của Ngài Mingun Sayadaw có viết:

XUẤT GIA CỦA NGƯỜI ĐỘC THÂN VÀ NGƯỜI ĐÃ CÓ GIA ĐÌNH THÌ ĐIỀU NÀO LÀ KHÓ HƠN?

Ngài Sayadaw đang dạy cho chúng ta là người đã xuất gia sadi từ hồi còn rất nhỏ, sau đó thì Ngài xuất gia Tỳ-khưu thì điều này cũng hết sự tự nhiên rồi. Ở Miến Điện cũng có rất nhiều vị Tỳ-khưu như vậy, họ xuất gia sadi từ lúc còn bé rồi sau đó xuất gia Tỳ-khưu và đi vào rừng sống, đây gọi là Nekkhamma - xuất gia. Có một số người xuất gia bán thế, tức là khi già mới đi xuất gia. Có những ý kiến cho rằng xuất gia khi

còn độc thân sẽ tốt hơn so với việc xuất gia sau khi đã có gia đình hoặc ngược lại, nhưng để quyết định điều nào là tốt hay xấu thì rất khó. Bởi vì nếu xuất gia khi còn trẻ hay xuất gia khi đã già thì người xấu vẫn là xấu còn người tốt thì vẫn là người tốt.

GIẢI THÍCH VỀ CÂU CHUYỆN TIỀN THÂN JĀTAKA CỦA ĐỨC BỒ TÁT

Có những kiếp Đức Bồ Tát đi xuất gia khi Ngài còn độc thân và có những kiếp Ngài đi xuất gia sau khi đã lập gia đình, giống như kiếp cuối cùng Ngài đã quyết định xả ly vào đúng ngày con trai ra đời. Ngài Sayadaw nghĩ rằng người đã có gia đình sẽ khó xuất gia hơn người chưa có gia đình.

Còn chúng ta nghĩ như thế nào? Xuất gia khi còn độc thân và xuất gia sau khi đã lập gia đình thì điều nào sẽ tốt hơn?

Có nhiều người họ nghĩ đi xuất gia sau khi đã lập gia đình là tốt hơn, bởi vì ít ra họ cũng đã có vài đứa con và sau này những đứa con ấy sẽ chăm sóc họ lúc về già. Một số người lại nghĩ nếu xuất gia lúc còn trẻ thì sẽ dễ dàng hơn trong việc học Pháp và thực hành Pháp, bởi vì xuất gia khi đã già sẽ gặp phải nhiều khó khăn và chướng ngại. Tùy theo quan điểm của mỗi người sẽ có những nhận định khác nhau, nhưng dù thế nào đi nữa thì trong cuốn sách của Ngài Mingun Sayadaw có viết:

“Người đã có gia đình rồi sẽ khó đi xuất gia, sẽ khó để xả ly hơn. Có lẽ bởi vì họ đã có con cái, có vợ chồng, nên sẽ có nhiều người bị “ngát xiu” nếu họ rời đi. Và như vậy ở Miến Điện, đối với vị Tỷ-khưu xuất gia lúc còn trẻ được gọi là “Nge-phiu - ငါး ဖြူ” -

Nghĩa là người xuất gia lúc còn trẻ. Đối với vị Tỷ-khưu đã có gia đình, sau khi đã có vợ thì được gọi là Nekkhamma - Người xả ly. Ở Miến Điện sẽ nói đó là “**Ko Zin Gyi - ကိုရင်**

ကြီး”ngài lớn đi xuất gia. Đó là sự xuất gia, xả ly.”

Chúng ta hãy nhớ một điều:

“Nếu ai đó ngắt xỉu vì chúng ta thì đó là thời điểm mà chúng ta phải chạy thật nhanh để đi xuất gia và đừng quay đầu trở lại”.



PHẦN II - XUẤT GIA BA-LA-MẬT

Nekkhamma pārami - Xuất gia Ba-la-mật không chỉ là tâm hay tâm sở mà nó là *kusala citta & cetasika* (tâm và tâm sở thiện). Tâm (citta), tâm sở (cetasika) sẽ có rất nhiều loại khác nhau và tâm sở thiện được gọi là *Nekkhamma pārami* - Xuất gia Ba-la-mật. Để mong muốn thoát khỏi những đời sống, thoát khỏi những dục lạc, và để hoàn thành Ba-la-mật này thì chúng ta cần phải có *adhinava-ñāṇa* - Tuệ biết được những dục lạc và đời sống là những lỗi lầm.

Như vậy thì làm thế nào mà Đức Bồ Tát thấy đời sống hay những dục lạc là lỗi lầm?

NHỮNG SỰ QUÁN TƯỞNG CỦA ĐỨC BỒ TÁT

I. ĐỜI SỐNG TẠI GIA LÀ NƠI KHỞI SANH NHỮNG PHIÊN NẢO

Bởi vì người cư sĩ phải chăm sóc vợ, chồng, con cái, và phải đi làm kiếm tiền nên đó không phải là nơi để xả ly. Bên cạnh đó thì đời sống của cư sĩ rất hạn hẹp, khó để tăng trưởng những thiện pháp do bởi có quá nhiều sự ảnh hưởng và chướng ngại như: con trai, con gái, vợ, chồng, v.v. Ngoài ra thì đời sống tại gia cũng có rất nhiều sự phức tạp và phạm sự khác nhau nữa như: phải buôn bán, trao đổi, cày bừa, làm nông, v.v. Do vậy Đức Bồ Tát đã quán xét thấy đời sống cư sĩ không phải là nơi để có được hạnh phúc giống như đời sống của một người xuất gia.

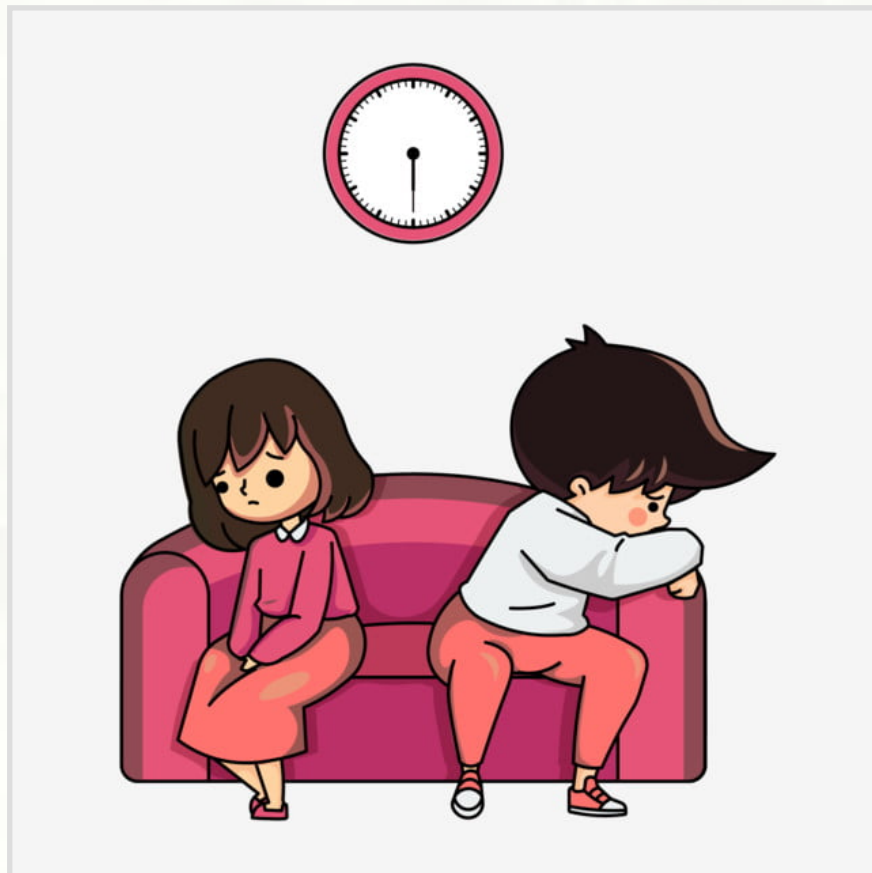
II. CÁC DỤC GIỐNG NHƯ GIỌT MẬT ONG TRÊN THANH GƯƠM

Nghĩa rằng đục lặc giống như giọt mật ong trên thanh gươm. Mật ong thì luôn có vị rất ngọt ngào nhưng nó lại đang nằm trên thanh gươm bén nhọn chứa đầy những nguy hiểm và rủi ro.



Chúng ta thường luôn muốn có vợ, có chồng phải vậy không? Chúng ta nghĩ rằng nếu sống một mình sẽ thật là cô đơn nên nếu có

vợ, có chồng thì sẽ tốt hơn. Người vợ nghĩ rằng người chồng sẽ chăm sóc cho mình và ngược lại. Chỉ vì suy nghĩ về những lợi ích này nên chúng ta lựa chọn việc lập gia đình để rồi về sau phải trở nên quá bận rộn với những cuộc cãi cọ và tranh luận, v.v. Kể từ đó thì vị ngọt ngào trở nên quá hiếm hoi còn những vấn đề trục trặc lại trở nên quá nhiều, cũng giống như giọt mật ong trên thanh gươm vậy.



Tương tự thì việc kiểm tiền thật không mấy dễ dàng nhưng để bảo vệ những tài sản đó thì quá đổi khó khăn. Chúng ta phải sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi chính phủ, sợ những đứa con không tốt, sợ hãi nước cuốn trôi, sợ hãi lửa đốt, v.v. Càng có thêm nhiều những tài sản như nhà cửa, xe cộ, thì chúng ta sẽ càng thêm nhiều sự bận rộn trong việc bảo quản và giữ gìn, đó chính là sự nguy hiểm của giọt mật ong trên thanh gươm.

Mặc dù chúng ta đang hưởng thụ những thứ dục lạc, những tài sản vật chất đó. Thế nhưng chúng chỉ được sử dụng trong một thời gian ngắn ngủi nhưng chúng ta phải tốn quá nhiều thời gian để bảo vệ. Chúng ta thường suy nghĩ là: “Ồ! Tôi có những thứ này, tôi có những thứ kia, nhưng thực chất thì chúng chỉ giống như một tia sét thoáng qua”. Cũng giống với việc chúng ta thích xem những chương trình giải trí, phim ảnh,

hay ca múa nhạc kịch. Thời gian đó sẽ trôi qua, sẽ mất đi rất nhanh như một tia chớp lóe lên rồi vụt mất. Những gì chúng ta thấy hay hưởng thụ chúng thực sự không rõ ràng, bởi vì cái này vừa hết thì cái kia lại đến và chúng liên tục đắp đổi cho nhau. Thế nhưng dường như con người ta lại vô cùng thích thú với những trò giải trí hay những vấn đề tương tự như vậy.



III. NGƯỜI THÍCH THÚ TRONG DỤC LẠC GIỐNG NHƯ NHỮNG KẺ ĐIÊN

Bởi vì những người điên nên họ mới có cái tưởng sai về cái này đẹp hay cái kia đẹp, nhưng những bậc trí sẽ thấy những điều đó thực sự không phải là điều tốt. Những người điên thường sẽ thích thú với suy nghĩ rằng họ đẹp quá, họ nghĩ rằng có xe ô tô là tốt, có nhà cửa là tốt để rồi từ đó họ sanh khởi sự ngã mạn. Trên thực tế thì tất cả những thứ đó không phải là một cái gì thật sự, chúng luôn trong tình trạng vô thường nhưng trong tâm trí của họ luôn lo lắng và sợ hãi sẽ bị mất đi những thứ họ đang có. Tất cả những dục lạc, những tài sản chỉ là những thứ giả tạo bề ngoài bị che đậy bởi những thứ ô uế, giống như những thứ phân nhòem gồm bất tịnh ở bên trong cơ thể chúng ta cũng được che đậy bởi lớp da thịt bên ngoài.



IV. SỰ HƯỞNG THỤ NHỮNG DỤC LẠC SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐỦ

Nếu chúng ta hưởng thụ và thích thú trong dục lạc thì sẽ không thể nào biết đủ, không bao giờ thỏa mãn và tri túc. Giống như việc chúng ta khát nước nhưng chỉ có thể liếm những giọt nước đang đọng lại ở trên đầu ngón tay. Bởi vì quá ít ỏi nên chúng ta không thể nào cảm thấy đủ, không thể nào

thỏa mãn cơn khát được. Tương tự thì việc chúng ta thưởng thức những dục lạc cũng như thế, sẽ không bao giờ cảm thấy thỏa mãn.



Khi đó Đức Bồ Tát là một vị Vua Chuyển Luân Thánh Vương có tên là Mandatu, Ngài có cỗ xe thần có thể bay trên hư không, có thể đi trên nước từ hòn đảo này đến hòn đảo khác. Vị Vua Mandatu đã đi khắp nơi trên thế giới, cho đến một thời gian thì vị ấy không còn thích thú nữa. Cũng giống như chúng ta bây giờ có thể đi máy bay đến khắp mọi nơi nhưng vẫn không cảm thấy thỏa thích nên sau đó thì chúng ta cảm thấy buồn chán.

Sau đó thì Vua Mandatu đã thảo luận với các đại thần:

“Liệu có nơi nào có thể đem đến cho ta sự thích thú, sự hỷ lạc và nhiều niềm vui hay không?”

Khi đó thì các vị đại thần trả lời rằng:

“Đó là cõi Tứ Đại Thiên Vương, nơi ấy sẽ tốt hơn ở đây chính vì thế nên Đức Vua hãy chuyển lên sống ở đây đi.”

Do bởi Đức Bồ Tát là người có nhiều phước báu nên Ngài có thể lên sống ở cõi Chư Thiên. Tại đây thì Ngài được Chư Thiên đánh lễ, dâng tặng toàn bộ cõi đó và tôn Ngài làm vị Vua của cõi Tứ Đại Thiên Vương. Khi ấy thì Vua Mandatu đã hưởng thụ tất cả các dục lạc ở trên đó. Một thời gian sau thì Đức Vua cũng cảm thấy buồn chán và Ngài lại tiếp tục đàm đạo với các vị đại thần:

“Liệu có nơi nào vui hơn nữa không?”

Các vị đại thần trả lời rằng:

“Đó là cõi **Tāvātimsa** - Cõi trời Đao Lợi, cõi này còn tốt hơn cả cõi Tứ Đại Thiên Vương.”

Sau đó thì Đức Vua đã lên sống ở cõi Tāvātimsa - Cõi Đao Lợi. Tại đây thì các vị Chư Thiên, Vua trời cũng đánh lễ cung kính Ngài và chia một nửa cõi Đao Lợi cho Ngài. Sau đó thì Đức Vua lại cảm thấy buồn tẻ và Ngài muốn có được toàn bộ cõi Đao Lợi. Thế nhưng bản thân Đức Vua khi ấy là vị Vua Chuyển Luân Thánh Vương mang thân người, do thọ mạng của Ngài sắp hết nên không thể chết ở trên cõi Chư Thiên mà phải trở về cõi người. Khi trở về cõi người thì các vị đại thần đã tới gần nhà Vua trong giờ phút cận tử và nói:

“Thưa Đại Vương! Ngài là một người rất là đặc biệt, một vị Vua vĩ đại, Ngài có thể làm Vua ngay cả cõi Chư Thiên.”

Sau đó thì nhà Vua đã nói với tất cả mọi người, tất cả đại thần và thần dân rằng:

“Đúng như vậy, ta đã hưởng thụ tất cả các dục lạc ở cõi người và ngay cả những dục lạc ở cõi trời Tāvātimsa - Cõi Đao Lợi, nhưng tất cả vẫn không thể làm thỏa mãn được ta. Mặc dù ta vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn nhưng bây giờ ta phải chuẩn bị chết rồi.” Đức Bồ Tát đã thốt lên lời nói như vậy!

Bằng cách hưởng thụ những dục lạc thì chúng ta không thể nào có được sự thỏa mãn và vừa lòng, nó chỉ giống như khi ta liếm nước trên đầu ngón tay và không thể nào làm chấm dứt được cơn khát nước.

Thêm một sự quán tưởng nữa:

Giống như sự thọ thực của những người bị bỏ đói nhiều ngày mà không có cơ hội để ăn. Do bị bỏ đói nhiều ngày nên họ sẽ bị dính mắc rất nhiều bởi đồ ăn, bởi vì như thế nên họ sẽ ăn rất là nhiều và không thể nào tiêu hóa được. Như vậy thì họ sẽ bị bệnh, bị bội thực và chết. Có rất nhiều câu chuyện khác nhau về những trường hợp như thế. Có người do bởi phẫu thuật hoặc do tình huống nào đó nên họ không ăn được, không thọ thực được. Nếu chúng ta muốn nhịn ăn thì cũng không sao nhưng khi ăn trở lại thì phải hết sức cẩn thận, phải ăn ít và chỉ ăn những thức ăn mềm, còn nếu chúng ta ăn quá nhiều sẽ dễ tạo nên những bệnh tật. Tương tự thì việc chìm đắm và hưởng thụ quá nhiều vào dục lạc sẽ làm cho họ bị chết sớm.

Do vậy chúng ta phải biết giới hạn, biết kiểm soát những mong muốn. Bởi vì nếu chúng ta cố gắng hưởng dục quá nhiều thì sẽ

bị hủy hoại về sức khỏe và có nguy cơ mắc nhiều căn bệnh khác nhau. Chính vì vậy chúng ta phải kiểm soát những gì chúng ta nhìn, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ. Câu chuyện của vị Vua Mandatu đã mở ra cho ta một bài học:

“Chúng ta sẽ không thể nào biết đủ với những thứ dục lạc giống như Vua Chuyển Luân Thánh Vương Mandatu. Vị Vua ấy đã hưởng dục từ cõi người lên đến cõi Chư Thiên nhưng vẫn không bao giờ cảm thấy thỏa mãn. Bởi vì sự chạy theo những dục lạc sẽ không bao giờ kết thúc mà nó chỉ đem đến cho chúng ta sự thêm khát và thống khổ mà thôi.”

Đây chính là cách mà Đức Bồ Tát đã quán tưởng về dục lạc.

Như vậy thì những người trí nên xả bỏ những cảnh dục đó để xả ly và xuất gia vào rừng.

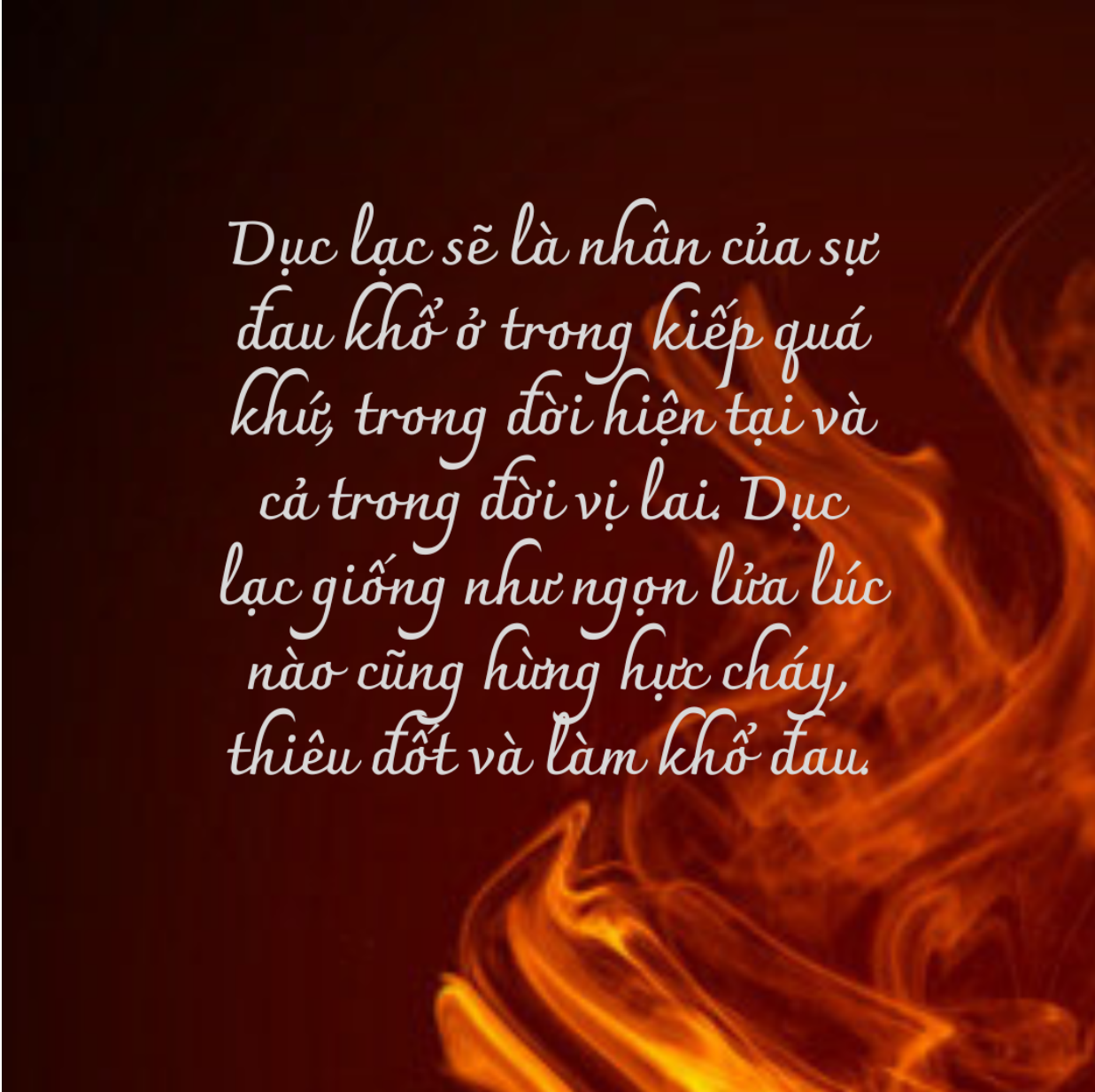
V. SỰ HƯỞNG THỤ VÀ THÍCH THÚ TRONG DỤC LẠC LÀ NHÂN CỦA SỰ HỦY HOẠI

Giống như người câu cá đem đồ ăn đến cho con cá, khi ấy nếu con cá cắn vào cần câu và ăn những thức ăn đó thì nó sẽ bị mắc câu và chịu khổ đau rất nhiều. Tương tự khi chúng ta thấy những dục lạc cũng giống như đồ ăn của người đánh cá, khi chúng ta thích thú thì cũng là lúc chúng ta bị cần câu vào bẫy của những khổ đau.

Một sự quán tưởng khác:

Những dục lạc sẽ là nhân của sự đau khổ ở trong kiếp quá khứ, trong đời hiện tại và cả

trong đời vị lai. Dục lạc giống như ngọn lửa lúc nào cũng hừng hực cháy, thiêu đốt và làm khổ đau. Do bởi sự dính mắc vào những lục lạc nên chúng ta phải chịu khổ.



*Dục lạc sẽ là nhân của sự
đau khổ ở trong kiếp quá
khứ, trong đời hiện tại và
cả trong đời vị lai. Dục
lạc giống như ngọn lửa lúc
nào cũng hừng hực cháy,
thiêu đốt và làm khổ đau.*

VI. DỤC LẠC LÀ NHÂN CỦA KIẾT SỬ VÀ SỰ TRÓI BUỘC

Nó giống như nhựa keo để bắt con khỉ. Khi người thợ săn muốn bắt con khỉ thì họ sẽ dùng một loại keo dính thoa lên trên cây để khi con khỉ bám vào thân cây thì sẽ bị nhựa keo đó dính chặt. Khi con khỉ muốn nhấc tay ra khỏi cái cây thì lúng túng lấy tay còn lại gõ, nhưng vừa đưa vào thì cả hai tay đều bị dính. Vì muốn đẩy hai tay ra khỏi bẫy keo nên con khỉ đã dùng hai chân đẩy mạnh vào cái cây và cuối cùng thì cả hai chân và hai tay con khỉ đều bị dính chặt vào nhựa keo. Sau đó nó lấy đầu để đẩy vào cái cây mong muốn chân và tay sẽ thoát khỏi bẫy dính nhưng hai tay, hai chân và đầu của nó lại bị dính vào nhựa keo.

Ngày còn bé thì chúng ta chỉ bị dính mắc vào vật thực hay sữa của mẹ, nhưng về sau

khi cha mẹ mua những món đồ chơi và hỏi: “Con có thích món đồ này không, có thích món đồ kia không? Nếu không thích món này thì sẽ cho con những món đồ khác, v.v., và rồi chúng ta đã bị dính mắc vào những món đồ chơi đó. Về sau khi lớn lên thì chúng ta tiếp tục dính mắc vào quần áo đẹp, điện thoại, nhà cửa, xe cộ, v.v.



Có biết bao nhiêu loại keo dính chặt chúng ta rồi?

Như thế thì có biết bao nhiêu loại keo dính chặt chúng ta rồi? Giống như con khỉ bị dính toàn thân vào cái cây nên người thợ săn đã tới bắt một cách dễ dàng, và nó đã trở thành một món mồi của người thợ săn.

Tương tự khi chúng ta bị dính mắc vào cái này hay cái kia thì sẽ không thể nào gỡ ra được. Lúc ấy thì Ma Vương sẽ tới bắt và chúng ta sẽ trở thành con mồi của Ma Vương. Cứ như vậy mà chúng ta đã hết lần này đến lần khác, cái chết cứ lặp đi lặp lại trong 31 cõi. Có kiếp thì chúng ta làm người như bây giờ, có kiếp thì chúng ta được làm Chư Thiên hay Phạm Thiên, và rồi lại chết đi. Thậm chí có kiếp chúng ta là những loài súc sanh, ngạ quỷ, chúng sanh dưới địa ngục và chúng ta cũng đã chết ở đó không bao giờ kết thúc. Cái chết sẽ không bao giờ kết thúc bởi vì sao? Bởi vì dục lạc cũng giống như cái keo để bắt con khỉ, thậm chí còn tệ hơn.

Có những người đến Myanmar - Miến Điện để hành thiền, sau một thời gian thì họ đã chán đồ ăn ở đây và muốn trở về nước bởi vì nhớ vật thực, nhớ những thức ăn của nước họ. Tuy họ ở Miến Điện nhưng những dục lạc từ nước khác sẽ dính chặt lấy người đó, nghĩa là cái keo này còn mạnh hơn cả keo dính con khỉ.

Chính vì như thế nên dục lạc là cái nhân của những sợi dây trói buộc, của những kiết sử và giống như cái keo dùng để bắt con khỉ.

VII. DỤC LẠC GIỐNG NHƯ NGƯỜI SÁT THỦ

Giống như người sát thủ dùng tấm vải đen để che đi khuôn mặt của họ, điều này rất là nguy hiểm bởi vì họ có thể giết người khác. Dục lạc cũng giống như người sát thủ ẩn mình, bị che đậy bởi một cái gì đằng sau nên

chúng ta không biết đó là người sát thủ. Chúng ta thường nghĩ là cái này đẹp, cái này không nguy hiểm, nhưng đằng sau những gì mà nó đem lại thật ra chỉ toàn là điều không lợi ích. Chúng ta đã tiêu tốn quá nhiều công sức và thời gian quý báu vào sự chìm đắm hưởng thụ những dục lạc để rồi ra đi trong sự dính mắc. Chúng ta dính mắc vào vật thực, vào y, vào vải vóc, nhưng không biết đó là những thứ nguy hiểm. Chỉ với những ai được dẫn dắt bởi trí tuệ mới có thể sử dụng những vật dụng và phân bổ thời gian một cách đúng đắn. Còn nếu ai đó dùng một cách bừa bãi và không tri túc thì họ sẽ có tâm lo lắng không những trong kiếp này mà còn những kiếp tương lai nữa. Bởi vì sự dính mắc vào những thứ đó nên họ đã chết và tái sinh vào những đọa xứ. Đây chính là cách mà Đức Bồ Tát quán tưởng.

*Cái chết cứ lặp đi lặp lại
trong 31 cõi!*



Về vấn đề này có câu chuyện tiền thân Jātaka của Đức Bồ Tát, lúc ấy Ngài là vị Vua **Māhasudassana** - Đại Thiện Kiến.

Tại quốc độ Sudassana, nơi mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã Niết Bàn tại đó sáu lần. Khi ấy thì Tôn Giả Ananda đã nói với Đức Phật rằng:

“Thưa Đức Thế Tôn! Ngài không nên viên tịch Niết Bàn tại thành phố nhỏ này.”

Đức Phật đã nói rằng:

Đừng nói như vậy Ananda! Ở đây đã là quốc độ Sudassana rất rộng lớn và vị Vua Māhasudassana đã từng ở đây trong thời rất xa xưa. Ngài là vị Vua Chuyển Luân Thánh Vương có cỗ xe thần, có cung điện rất to lớn, vĩ đại, rất nhiều cây vàng, quả bạc, cây bạc, quả vàng. v.v. Nơi đây có rất nhiều loại cây cối như vậy, có rất nhiều ao hồ để cho người ta tắm. Trong hồ nở rất nhiều hoa sen, hoa súng và còn có rất là nhiều những dục

lạc khác ở trong quốc độ đó nữa. Vua và những người trong quốc độ đã hưởng thụ tất cả những dục lạc này, mọi người rất vui vẻ và hạnh phúc khi ở đây. Nhưng phần đời về sau thì Vua Mahāsudassana đã tránh xa những dục lạc, Ngài thực hành thiền định (Samatha) và Ngài chứng được Jhāna (thiền chứng). Những ngày cuối đời của kiếp đó, khi Đức Vua là một vị ẩn sĩ bị bệnh và gần chết thì có một vị Chư Thiên trước đây là Chánh Hậu (người Hoàng Hậu chính của vua) đã thấy nên đã đến nói với Vua rằng:

“Xin Đức Vua hãy trở về quốc độ, trở về hoàng cung xinh đẹp của mình, bởi vì Ngài có rất nhiều thiện pháp nên nếu Ngài sử dụng những vật dụng ở đó, dính mắc vào những thứ đó thì Ngài sẽ không bị chết. Ngài không nên xả bỏ sự dính mắc vào quốc độ, xả bỏ dính mắc vào hoàng cung của Ngài.”

Theo cách này thì vị Chánh Hậu đã nói với nhà Vua như vậy và sau đó thì Ngài đã nói với Chánh Hậu rằng:

“Cả cuộc đời của ta, Chánh Hậu đã nói những lời nói ngọt ngào làm cho ta thích, làm cho ta vừa ý, nhưng tại sao bây giờ Chánh Hậu lại nói những lời nói rất buồn và xấu như vậy? Chánh Hậu hãy thay đổi cách nói năng của mình và nói với ta là đừng dính mắc vào những tài sản, đừng dính mắc vào những đời sống, bởi vì nếu còn bị dính mắc vào những thứ đó thì khi chết đi sẽ rất khổ đau.”

Sau khi Đức Vua Mahāsudassana đã nói với Chánh Hậu như vậy thì bà đã vừa khóc và nói theo cách mà nhà Vua chỉ:

“Xin Ngài hãy xả bỏ đời sống cung điện, hoàng cung, những dục lạc bởi vì nếu chết với sự dính mắc sẽ rất là khổ đau, đây là điều không tốt.”

Dường như bà đã rất buồn và đau khổ khi nhìn thấy Đức Vua lúc cận tử như vậy. Bởi vì chết với sự dính mắc sẽ là nhân để tái sinh làm những con chó, con mèo, con bò, cõng ngựa quý, v.v.

Thêm một câu chuyện khác:

Có một vị Tỳ-khưu, do không có y tốt nên chị của vị ấy đã cúng dường một tấm y rất tốt cho vị này. Sau đó thì vị ấy bị bệnh và chết đi nhưng vẫn chưa kịp mặc tấm y đó. Bởi vì sự dính mắc vào y nên vị ấy đã chết và tái sinh trở thành con rận rất nhỏ nằm trong tấm y ấy.

Qua những câu chuyện trên thì phần nào cũng cho ta cơ hội để rút ra một bài học đáng suy ngẫm. Chúng ta không nên để tâm của mình dính mắc quá nhiều vào những tài sản đặc biệt là lúc cận tử. Thật khó để nói về lúc cận tử và chúng ta không thể nào không tán thán sự chết được, nhưng chúng ta phải nói một cách đúng đắn giống như trong bài kinh **Đại Bát Niết Bàn** để có thể hiểu một cách chính xác hơn:

Thường thì chúng ta hay nói:

“Đừng dính mắc vào đời sống, đừng dính mắc vào dục lạc”. Nhưng chúng ta phải hiểu đúng đắn về câu nói: ***“Đừng dính mắc vào đời sống”***, bởi vì điều này không có nghĩa là chúng ta tán thán sự chết.

Bởi vì sao? Chết với sự dính mắc thì đó là khổ, và Đức Phật muốn chỉ ra câu chuyện về quốc độ của Vua Mahāsudassana. Nơi đây đã từng là một vương quốc rất tuyệt vời và dân chúng ở đó đã được hưởng những thứ tuyệt mỹ. Nhưng rồi thì sao? Tất cả đã không còn nữa, tất cả đã trở thành quá khứ rồi. Và rồi tất cả những gì trên thế gian này cũng sẽ tương tự như vậy, không một thứ gì có thể tồn tại mãi mãi, không có gì là bền vững lâu dài, và đương nhiên sẽ không có gì để cho chúng ta có thể nương tựa bầu vịu. Chúng ta không thể nào phụ thuộc vào những thứ bên ngoài bởi vì cuối cùng thì tất cả sẽ mất đi và chính chúng ta sẽ là người phải khóc than trong đau khổ.

Đã có rất nhiều người trong quá khứ đã từng khóc than, những người trong hiện tại họ sẽ lại khóc cho đến cuối cuộc đời nếu họ chết đi với sự dính mắc. Tương tự như vậy với

những người trong tương lai, họ cũng sẽ tiếp tục chết đi bằng cách khóc than. Bởi vì chỉ cần có sự dính mắc thôi là đã đủ để chúng ta khóc than vô lượng kiếp luân hồi. Sự thật thì mãi mãi là sự thật, rồi mai đây tất cả mọi thứ, tất cả mọi vật, tất cả mọi người cuối cùng cũng sẽ ra đi, cũng sẽ biến mất. Đây chính là cách quán tưởng của Đức Bồ Tát. Nếu chúng ta cũng quán xét theo cách này thì chúng ta sẽ có đủ khả năng để từ bỏ những dục lạc, chúng ta sẽ có đủ khả năng để xả bỏ đời sống thế tục, và chúng ta sẽ có đủ khả năng để đi xuất gia.



Có phải chúng ta vẫn còn sợ sự xa ly?
Dường như vẫn chưa đủ sự quán tưởng sâu
sắc để từ bỏ và đi xuất gia phải vậy không?

Nhưng chúng ta cần phải có sự quán tưởng,
cần có được trí tuệ adhinava-ñāṇa để thấy ra
được những lỗi lầm của đời sống, những lỗi
lầm của những dục lạc.

Nếu cứ lặp đi lặp lại sự quán tưởng như thế
thì một ngày nào đó chúng ta có thể biến câu
chuyện tiền thân Mahā Jātaka của Đức Bồ
Tát trở thành câu chuyện của chính mình.
Nghĩa là câu chuyện khi Hoàng Hậu vợ của
Vua Mahā Janaka đã không cho Ngài đi xuất
gia mà cứ đi theo Ngài đến khắp mọi nơi và
bà đã bị ngắt xiu. Khi đó chính là cơ hội và
Đức Bồ Tát đã chạy vào rừng. Đây là câu
chuyện tuyệt vời và nó đã kết thúc có hậu.
Thế còn câu chuyện của chúng ta là gì?

Trong thời kỳ giáo Pháp của Đức Phật thì sự xuất gia Tỳ-khưu rất là quan trọng. Còn ở bên ngoài thời kỳ giáo Pháp thì ngay cả trong kiếp Đức Bồ Tát làm Vua và sau đó đi xả ly thì có rất nhiều năm Ngài thực hành tin vào nghiệp và quả của nghiệp. Trong thời đại bây giờ thì có rất nhiều người làm quyền chức trong chính phủ, có địa vị xã hội nhưng Sayadaw không thấy có bao nhiêu người đi xuất gia. Thậm chí cho tới khi tóc họ bạc trắng, sống xung quanh là những thứ họ có nhưng vẫn chưa chịu đi xuất gia nữa. Chúng ta thấy hầu hết những người làm trong chính phủ hoặc nhà Vua thì họ có rất nhiều địa vị, có nhiều quyền lực, có nhiều dục lạc, và cũng sẽ có nhiều sự nguy hiểm đi kèm. Chính vì vậy xuất gia sẽ tốt hơn.

Đã từng có rất nhiều người trong quá khứ, họ đã làm những vị trí rất đặc biệt trong xã hội nhưng đến phần cuối cùng của cuộc đời

thì họ muốn sống một mình, làm thanh tịnh bản thân và tạo ra những thiện pháp để đem theo sang kiếp sau. Đức Bồ Tát của chúng ta cũng như vậy, Ngài là một vị ẩn sĩ thực hành, Ngài tin vào nghiệp và quả của nghiệp. Nếu trong thời kỳ giáo Pháp của một vị Phật thì Đức Bồ Tát sẽ xuất gia làm Tỳ-khưu để học pháp học **Pariyatti**; thực hành thiền định **Samādhi** để có được **Jhāna** và thần thông; thực hành thiền tuệ **Vipassanā**. Theo cách này thì Đức Bồ Tát đã xuất gia. Tương tự thì Đức Bồ Tát cũng thực hành **Varitta Sīla** - Giới cần phải tránh xa, thực hành, **Caritta Sīla** - Những phận sự cần phải làm, và thực hành **Dhutanga** - Hạnh đầu đà. Nhờ vậy mà tâm của **Bodhisattva** - Đức Bồ Tát rất là trong sáng, thanh tịnh và không lỗi lầm. Bởi vì năng lực của giới, bởi vì năng lực của sự thực hành hạnh đầu đà, các hành động thanh tịnh của Ngài về thân và lời nói, nên bất kỳ y hay vật thực nào mà Đức Bồ

Tát có được thì Ngài cũng đều bằng lòng. Ngài đã tri túc với những vật thực đó, với y phục đó. Ngài đã chăm sóc và bảo vệ những dòng dõi của bậc thánh bằng cách thực hành Samatha (thiền định) và Vipassanā (thiền tuệ). Ngài đã có được cận định và an chỉ định nên Ngài đã hoàn thành nghĩa vụ của sự xuất gia Ba-la-mật.

Khi tránh xa được những dục lạc thì đó gọi là sự xuất gia xả ly. Và khi chúng ta có được cận định hoặc an chỉ định (Jhāna) thì đó cũng là một loại xuất gia, một loại xả ly, và đây được gọi là sự xuất gia về tâm xả ly nhưng vẫn chưa phải là thân xả ly. Theo cách này thì Đức Bồ Tát đã thực hành về sự xuất gia.

VIII. ĐỜI SỐNG CƯ SĨ THÌ HẠN HẸP CÒN ĐỜI SỐNG XUẤT GIA THÌ PHÓNG KHOÁNG RỘNG MỞ

Đối với đời sống của cư sĩ có con trai, con gái, có vợ, có chồng, thì đời sống đó rất hạn hẹp và khó để làm những thiện pháp. Khi các Ngài Sayadaw đang dạy thiền hơi thở thì có một số thiền sinh hỏi các Ngài rằng:

“Thưa Ngài! Cái này khó như vậy, xin Ngài hãy dạy cho chúng con với công việc và cuộc sống hàng ngày thì làm sao chúng con có thể thực hành thiền hàng ngày?”

Tương tự khi các Ngài dạy về năm giới thì họ lại nói:

“Thưa Ngài! Những điều này cũng không dễ dàng vì trong cuộc sống cần phải có các mối quan hệ nên đôi khi chúng con phải uống rượu một chút để xã giao, v.v..”

Như vậy thì đời sống cư sĩ rất là nhỏ bé, rất là hạn hẹp phải vậy không? Cái này không thể thực hành được, cái kia cũng không thể thực hành được. Họ phải kiếm tiền, phải đi làm, phải xã giao và rất nhiều thứ khác nhau nữa. Ngược lại thì đời sống xuất gia sẽ rất là rộng mở và bất kỳ điều gì Đức Phật dạy thì vị Tỳ-khưu có thể làm theo được. Nhưng đối với cư sĩ thì chúng ta phải xả bỏ tóc, tài sản, gia đình, v.v.. Đức Bồ Tát đã quán tưởng theo cách đó và thấy đời sống xuất gia xả ly là sự phóng khoáng, rộng mở, không hạn hẹp, không có sự lo lắng và suy nghĩ về con trai, con gái, vợ hay chồng.

IX. ĐỜI SỐNG DỤC LẠC HƯỞNG THỤ THÌ ÍT MÀ LO LẮNG THÌ NHIỀU

Bởi vì sao? Bởi vì muốn hưởng được dục lạc thì chúng ta phải vất vả đi làm và tìm đủ

mọi cách mới có được. Chúng ta phải chịu đựng những cái lạnh, phải bị đốt cháy bởi mặt trời, bởi những khắc nghiệt của thời tiết, bị muỗi mòng cắn, chúng ta phải khóc than, chịu những gió thổi, chịu những ánh nắng, v.v., thì mới có được những dục lạc ấy. Hơn nữa, việc kiếm tiền nhiều khi không phải là dễ dàng và có những người còn phải mất cả mạng sống chỉ để có tiền. Chính vì muốn hưởng những dục lạc mà chúng ta phải kiếm tiền bằng cách trải qua những khổ đau như vậy. Đến khi có được nhiều tiền thì chúng ta lại có thêm nhiều sự lo lắng khác, sợ sẽ bị kẻ thù lấy mất đi những tài sản quý.

Do sự tham đắm mà rất nhiều người thích thú hưởng thụ những đời sống và dục lạc thế gian. Có những người vì muốn được tự do nên đã chống lại những người có sức mạnh, có quyền lực. Nhiều khi điều đó không cần thiết nhưng họ vẫn muốn chống lại những

người có quyền lực, còn những người có quyền lực thì lại muốn được kiểm soát, muốn có thêm những quyền lợi mới, v.v, và thế là chiến tranh đã nổ ra.

Bởi vì những dục lạc trên thế gian mà hiện nay trên thế giới đang xảy ra quá nhiều cuộc chiến tranh giữa nước này với nước kia, rất nhiều người đã phải bỏ mạng



Chiến tranh chỉ đem đến cho con người ta sự đau khổ, nhiều người sẽ bị bắt bởi kẻ thù, sẽ trở thành tù binh và bị tra tấn một cách tàn nhẫn. Cũng bởi vì sự ham thích và chìm

đắm vào những dục lạc nên nhiều người bị tái sinh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, a-tu-la, đó là những cõi mà chúng sanh sẽ bị chịu quả khổ đau.

Mong cho tất cả chúng ta một ngày nào đó có thể đi xuất gia và thực hành theo lời dạy của Đức Phật. Mong có tất cả chúng ta sớm thoát khỏi những khổ đau trong vòng sanh tử luân hồi và sớm chứng ngộ được Pháp bất diệt – Nibbāna trong ngày vị lai.



Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn
trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là
duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến
tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận
phần phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!